

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%)
phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng từ năm 2026**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Xét Tờ trình số 3754/TTr-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ
phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa
phương trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2026 và các năm tiếp theo; Báo cáo
thẩm tra số 662/BC-HĐND ngày 03 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế và
Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng
nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định phân cấp nguồn thu,
nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các
cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Cao Bằng từ năm 2026.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp nguồn thu,
nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các
cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Cao Bằng từ năm 2026.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai
thực hiện Nghị quyết và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân theo
quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân
tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện
Nghị quyết này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Nghị quyết số 91/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định phân cấp nguồn thu,
nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các
cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2022, thời kỳ ổn
định 2022-2025; Nghị quyết số 75/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022

của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng sửa đổi, bổ sung Điều 8 Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2022, thời kỳ ổn định 2022-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 91/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2022, thời kỳ ổn định 2022-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 91/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 75/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng hết hiệu lực từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, Kỳ họp thứ 38 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ (b/c);
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Bế Thanh Tịnh

QUY ĐỊNH

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Cao Bằng từ năm 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 23/2025/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Cao Bằng từ năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo văn bản mới đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, nhà nước, Mặt trận tổ quốc Việt Nam các cấp (bao gồm các tổ chức chính trị xã hội; các hội quần chúng do đảng, nhà nước giao nhiệm vụ); các đơn vị cấp tỉnh và các xã, phường (gọi chung là cấp xã).

2. Các đơn vị sự nghiệp, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị trực thuộc Sở, ban, ngành; đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán ngân sách nhà nước.

Điều 3. Nguyên tắc, tiêu chí phân cấp

1. Phân cấp ngân sách phù hợp với định hướng phân cấp theo quy định của Luật ngân sách và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật ngân sách về các chính sách tài chính ngân sách hiện hành; đồng bộ với phân cấp về quản lý kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

2. Đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách cấp tỉnh trong hệ thống ngân sách chính quyền địa phương để thực hiện các chủ trương lớn, các nhiệm vụ quan trọng của tỉnh, bổ sung cân đối ngân sách và hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách xã.

3. Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi có gắn liền với vai trò, trách nhiệm quản lý của từng cấp chính quyền địa phương nhằm khai thác tối đa nguồn thu, khuyến khích tăng thu tạo quyền chủ động cho chính quyền cấp cơ sở.

4. Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm; việc ban hành và thực hiện chính sách, chế độ mới làm tăng chi ngân sách phải có giải pháp bảo đảm nguồn tài chính, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách từng cấp; việc quyết định đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách phải bảo đảm trong phạm vi ngân sách theo phân cấp.

Chương II

NỘI DUNG PHÂN CẤP NGUỒN THU

Điều 4. Các khoản thu điều tiết ngân sách tỉnh 100%

1. Thu tiền thuê đất phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật.
2. Thu tiền thuê mặt nước.
3. Thu từ hoạt động xổ số.
4. Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; cổ tức được chia bằng tiền, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu.
5. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật.
6. Thuế bảo vệ môi trường, trừ thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu.
7. Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.
8. Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương.
9. Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu.
10. Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh.
11. Thu chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh năm trước chuyển sang.
12. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương.
13. Các khoản thu khác của ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Các khoản thu điều tiết ngân sách xã 100%

1. Thu kết dư ngân sách cấp xã.
2. Thu chuyển nguồn ngân sách cấp xã.
3. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên.
4. Các khoản thu khác của ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Các khoản thu phân chia giữa ngân sách tỉnh và ngân sách xã

1. Thuế tài nguyên, trừ thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí.

a) Các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước Trung ương và địa phương, các Công ty Cổ phần hoá từ doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài điều tiết ngân sách tỉnh 100%.

b) Các thành phần kinh tế còn lại nộp phân chia như sau:

- Do cơ quan cấp tỉnh, thuế tỉnh thực hiện nhiệm vụ thu: điều tiết ngân sách tỉnh 100%.

- Do cơ quan cấp xã, thuế cơ sở thực hiện nhiệm vụ thu: điều tiết ngân sách xã 100%.

2. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp:

- Do cơ quan cấp tỉnh, thuế tỉnh thực hiện nhiệm vụ thu: điều tiết ngân sách tỉnh 100%.

- Do cơ quan cấp xã, thuế cơ sở thực hiện nhiệm vụ thu: điều tiết ngân sách xã 100%.

3. Tiền cho thuê và bán nhà thuộc sở hữu nhà nước:

- Do cơ quan cấp tỉnh, thuế tỉnh thực hiện nhiệm vụ thu: điều tiết ngân sách tỉnh 100%.

- Do cơ quan cấp xã, thuế cơ sở thực hiện nhiệm vụ thu: điều tiết ngân sách xã 100%.

4. Các khoản phí, lệ phí (*trừ phí, lệ phí do cơ quan trung ương thu theo quy định của pháp luật*).

a) Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt:

- Do cơ quan cấp tỉnh, thuế tỉnh thực hiện nhiệm vụ thu: điều tiết ngân sách tỉnh 100%.

- Do cơ quan cấp xã, thuế cơ sở thực hiện nhiệm vụ thu: điều tiết ngân sách tỉnh 75%, ngân sách xã 25%.

b) Các khoản phí, lệ phí còn lại phân chia như sau:

- Do cơ quan cấp tỉnh, thuế tỉnh thực hiện nhiệm vụ thu: điều tiết ngân sách tỉnh 100%.

- Do cơ quan cấp xã, thuế cơ sở thực hiện nhiệm vụ thu: điều tiết ngân sách xã 100%.

5. Thuế giá trị gia tăng (*trong phạm vi ngân sách địa phương được điều tiết theo phân cấp của trung ương*).

a) Các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước Trung ương và địa phương, các Công ty Cổ phần hoá từ doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, nộp điều tiết ngân sách tỉnh 100%.

b) Thu từ các thành phần kinh tế còn lại được phân chia như sau:

- Do cơ quan cấp tỉnh, thuế tỉnh thực hiện nhiệm vụ thu: điều tiết ngân sách tỉnh 100%.

- Do cơ quan cấp xã, thuế cơ sở thực hiện nhiệm vụ thu: điều tiết ngân sách xã 100%.

6. Thuế thu nhập doanh nghiệp *(trong phạm vi ngân sách địa phương được điều tiết theo phân cấp của trung ương)*

a) Các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước Trung ương và địa phương, các Công ty Cổ phần hoá từ doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài điều tiết ngân sách tỉnh 100%.

b) Thu từ các thành phần kinh tế còn lại phân chia như sau:

- Do cơ quan cấp tỉnh, thuế tỉnh thực hiện nhiệm vụ thu: điều tiết ngân sách tỉnh 100%.

- Do cơ quan cấp xã, thuế cơ sở thực hiện nhiệm vụ thu: điều tiết ngân sách xã 100%.

7. Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hoá dịch vụ trong nước *(trong phạm vi ngân sách địa phương được điều tiết theo phân cấp của trung ương)*.

a) Các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước Trung ương và địa phương, các Công ty Cổ phần hoá từ doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài điều tiết ngân sách tỉnh 100%.

b) Thu từ các thành phần kinh tế còn lại phân chia như sau:

- Do cơ quan cấp tỉnh, thuế tỉnh thực hiện nhiệm vụ thu: điều tiết ngân sách tỉnh 100%.

- Do cơ quan cấp xã, thuế cơ sở thực hiện nhiệm vụ thu: điều tiết ngân sách xã 100%.

8. Thu phạt, tịch thu xử lý vi phạm hành chính và thu khác trong các lĩnh vực *(Trừ các khoản thu phạt, tịch thu, thu khác của các cơ quan trung ương thực hiện theo quy định của pháp luật)*.

- Do cơ quan cấp tỉnh, thuế tỉnh thực hiện nhiệm vụ thu: điều tiết ngân sách tỉnh 100%.

- Do cơ quan cấp xã, thuế cơ sở thực hiện nhiệm vụ thu: điều tiết ngân sách xã 100%.

9. Thu từ bán tài sản nhà nước, thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước do các đơn vị tổ chức các cấp xử lý. Thu sự nghiệp, thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác.

- Do cơ quan cấp tỉnh, thuế tỉnh thực hiện nhiệm vụ thu: điều tiết ngân sách tỉnh 100%.

- Do cơ quan cấp xã, thuế cơ sở thực hiện nhiệm vụ thu: điều tiết ngân sách xã 100%.

10. Thu viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho các cấp ngân sách. Thu huy động đóng góp từ các tổ chức cá nhân theo quy định của pháp luật.

a) Cho ngân sách cấp tỉnh, điều tiết ngân sách cấp tỉnh 100%.

b) Cho ngân sách cấp xã, điều tiết ngân sách cấp xã 100%.

11. Thuế thu nhập cá nhân.

- Do cơ quan cấp tỉnh, thuế tỉnh thực hiện nhiệm vụ thu: điều tiết ngân sách tỉnh 100%.

- Do cơ quan cấp xã, thuế cơ sở thực hiện nhiệm vụ thu: điều tiết ngân sách xã 100%.

12. Thu tiền sử dụng đất (đấu giá quyền sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, chuyển mục đích sử dụng đất) phân ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật được phân chia như sau:

- Địa chỉ đất, dự án đô thị do các cơ quan cấp tỉnh thực hiện: điều tiết ngân sách tỉnh 100%.

- Địa chỉ đất, dự án đô thị trên địa bàn các phường: Thục Phán, Tân Giang, Nùng Trí Cao do các phường thực hiện: điều tiết ngân sách phường 20%, ngân sách tỉnh 80%.

- Địa chỉ đất, dự án đô thị trên địa bàn các xã do các xã thực hiện: điều tiết ngân sách xã 30%, ngân sách tỉnh 70%.

- Căn cứ kết quả thực hiện thu tiền sử dụng đất so với dự toán giao hàng năm của từng phường xã, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện phân bổ lại phần tăng thu từ thu tiền sử dụng đất (đã điều tiết ngân sách cấp tỉnh theo tỷ lệ trên) cho cấp xã chủ động thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Các cấp ngân sách dành một phần số thu tiền sử dụng đất được hưởng theo phân cấp để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên theo quy định của nhà nước.

- Các cấp ngân sách địa phương thực hiện chi trả các khoản chi phí phát sinh từ đấu giá quyền sử dụng đất từ nguồn thu sử dụng đất được hưởng theo phân cấp.

- Đối với các dự án tạo quỹ đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt vay Quỹ phát triển đất: các cấp ngân sách địa phương bố trí trả ứng vốn Quỹ phát triển đất từ nguồn thu tiền sử dụng đất được hưởng theo phân cấp tương ứng theo tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu và phần tăng thu được phân bổ lại.

CHƯƠNG III

NỘI DUNG PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI

Điều 7. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh

1. Chi đầu tư phát triển

a) Đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác do cấp tỉnh trực tiếp quản lý theo các lĩnh vực được quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính do cấp tỉnh quản lý theo quy định của pháp luật;

c) Chi uỷ thác cho vay qua ngân hàng chính sách để thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương; cấp vốn điều lệ cho quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách;

d) Các khoản chi đầu tư phát triển khác do cấp tỉnh thực hiện theo quy định của pháp luật;

đ) Chi quy hoạch đô thị và các quy hoạch khác theo chương trình của tỉnh.

2. Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị được phân cấp trong các lĩnh vực

a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề do cấp tỉnh quản lý;

b) Sự nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số do cấp tỉnh quản lý;

c) Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội: phần giao cấp tỉnh quản lý; hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách trung ương theo quy định;

d) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình do cấp tỉnh quản lý;

đ) Sự nghiệp văn hóa thông tin do cấp tỉnh quản lý;

e) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình do cấp tỉnh quản lý;

g) Sự nghiệp thể dục, thể thao do cấp tỉnh quản lý;

h) Sự nghiệp bảo vệ môi trường do cấp tỉnh quản lý;

i) Các hoạt động kinh tế do cấp tỉnh quản lý;

k) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh; hỗ trợ các tổ chức xã hội theo quy định của pháp luật do cấp tỉnh quản lý;

l) Chi bảo đảm xã hội do cấp tỉnh thực hiện;

m) Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại khoản 5 Điều 9 Luật Ngân sách Nhà nước.

n) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả nợ vay.

4. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính của tỉnh.

5. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã.

6. Chi chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh.

Điều 8. Nhiệm vụ chi đối với ngân sách cấp xã

1. Chi đầu tư phát triển

a) Đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác do cấp xã trực tiếp quản lý theo các lĩnh vực được quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính do cấp xã quản lý theo quy định của pháp luật;

c) Các khoản chi đầu tư phát triển khác do cấp xã thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên của các cơ quan , đơn vị được phân cấp trong các lĩnh vực

a) Sự nghiệp giáo dục – đào tạo do cấp xã quản lý;

b) Sự nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số do cấp xã quản lý;

c) Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội: Phần giao cấp xã quản lý;

d) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình do cấp xã quản lý;

đ) Sự nghiệp văn hóa thông tin do cấp xã quản lý;

e) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình do cấp xã quản lý;

g) Sự nghiệp thể dục thể thao do cấp xã quản lý;

h) Sự nghiệp bảo vệ môi trường do cấp xã quản lý;

i) Các hoạt động kinh tế do cấp xã quản lý;

k) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã; hỗ trợ các tổ chức xã hội theo quy định của pháp luật do cấp xã quản lý.

l) Chi bảo đảm xã hội do cấp xã thực hiện;

m) Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại khoản 5 Điều 9 Luật Ngân sách Nhà nước.

n) Các khoản chi khác theo quy định.

3. Chi chuyển nguồn ngân sách cấp xã./.